

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Hồng Thắm

2. Bà Trương Thị Dung

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 28/02/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Đội 5, xã N, huyện Y, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Lê Văn Th, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Đội 5, xã N, huyện Y, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị T, anh Th (chị T, anh Th xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Lê Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định ngày 28/01/2015. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguN là công việc làm ăn giữa hai bên không có cùng suy nghĩ, anh Th có quan hệ chằng hoa ở ngoài dẫn đến giữa chị và anh Th có sự bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng hay xảy ra va chạm, cãi vã. Chị và anh Th hiện sống ly thân được một năm nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Th.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn Th có một con chung là Lê Thị Kim Ng, sinh ngày 11/7/2017. Sau ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng. Chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị và anh Th đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau xong. Nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai bị đơn anh Lê Văn Th trình bày:

Về thời gian cũng như điều kiện kết hôn anh đồng ý với quan điểm của chị T. Về tình cảm anh cũng xác định trong quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn. NguN là do anh có bàn với chị T về việc vợ chồng cùng về quê làm ăn, sinh sống, tuy nhiên chị T không đồng ý dẫn đến giữa anh và chị T bất đồng quan điểm, anh và con đã về quê sống được khoảng một năm. Nay chị T có đơn ly hôn, anh xác định tình cảm giữa anh và chị T không còn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Lê Thị Kim Ng, sinh ngày 11/7/2017. Sau ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Giữa anh và chị T đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau xong, nay anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng giữa chị T và anh Th không thống nhất được vấn đề nuôi con chung sau khi ly hôn nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Chị T và anh Th đều có đề nghị xin giải quyết vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị T, anh Th đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Toà án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do nguyên đơn chị Trần Thị T thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Lê Văn Th có nơi cư trú tại Đội 5, xã N, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T, anh Th đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến

hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Lê Văn Th tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên là do anh chị không tìm được tiếng nói chung, không còn niềm tin ở nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, khiến cuộc sống luôn căng thẳng, áp lực. Hai bên không có sự hoà hợp và hiện nay đang sống ly thân. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh Th. Về phía anh Th, anh cũng xác định cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Anh chị sống ly thân nhau kể từ tháng 11/2017 đến nay. Anh Th xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy chị T, anh Th đã sống ly thân một thời gian dài, đời sống chung không có, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn của chị T, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh Th xác định anh, chị có một con chung là Lê Thị Kim Ng, sinh ngày 11/7/2017. Trong quá trình làm việc tại tòa án và tại phiên hòa giải cả anh Th, chị T đều có quan điểm xin nuôi con chung và không yêu cầu người kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, sau khi tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì anh Th có đơn gửi đến tòa án có ý kiến là vì cháu Ng còn nhỏ nên anh đồng ý để cháu Ng cho chị T nuôi dưỡng. Hiện nay chị T có công việc ổn định với mức thu nhập hơn 06 triệu đồng/tháng, đồng thời hiện nay con chung còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Ng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Giữa anh Th và chị T đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau xong, nay anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ và các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Lê Văn Th.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Thị Kim Ng, sinh ngày 11/7/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T, anh Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp là 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001321, ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Trần Thị T và anh Lê Văn Th được quyền kháng cáo trong hạn 15, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Ý Yên;
- Chi cục THSDS huyện Ý Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Anh